STATE OF CALIFORNIA – DEPARTMENT OF INDUSTRIAL RELATIONS
DIVISION OF LABOR STANDARDS ENFORCEMENT
STATE LABOR COMMISSIONER

FOR OFFICE USE ONLY -- CHỈ DÀNH CHO VĂN PHÒNG SỬ DỤNG		
Taken By	Wage Adjudication	
Date Filed	Action	SIC Number

INITIAL REPORT OR CLAIM
ĐƠN KIỆN HOẶC BÁO CÁO SƠ KHỞI

PLEASE PRINT ALL INFORMATION /XIN VIẾT BẰNG CHỮ IN MỌI DỮ KIỆN

Your name / Tên của quý vị	Interpreter needed Có cần dịch vụ thông dịch không ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không	Social Security Number Số An Sinh Xã Hội	Date of Birth Ngày Tháng Năm Sinh
Your address – Number and Street, apartment or space no. Địa chỉ của quý vị - Số nhà và Đường Phố, căn hộ hoặc số căn hộ	Home phone no. Số điện thoại tại nhà ( )	Work Phone no/ current Số Điện Thoại Liên Lạc Tại Nơi Làm Việc/hiện tại ( )	
City, State, Zip Code /Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip Code	California Driver's License No. / CA I.D. Number Số Bằng Lái Xe Do Tiểu Bang California Cấp/ Số Nhận Dạng do tiểu bang California cấp		

AGAINST / KIỆN

Name of business / Tên của cơ sở kinh doanh			☐ Corporation /Công ty ☐ Sole owner / Chủ nhân độc quyền ☐ Partnership / Công ty hợp danh ☐ LLC – LLP Công ty trách nhiệm hữu hạn – LLP ☐ Bankruptcy / Phá sản ☐ Business sold / Bán cơ sở kinh doanh ☐ Business closed /Đóng cửa cơ sở kinh doanh
Address of business, City, State, Zip Code / Địa chỉ của cơ sở kinh doanh, Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip Code			
Name of person in charge / Tên của người phụ trách	Telephone no. /Số điện thoại	Type of business / Hình thức kinh doanh	No. of employees Số nhân viên
Type of work performed / Dạng công việc được thực hiện	Date of hire Ngày tuyển dụng	Public Works Project? Có phải là Dự Án Công Chánh không? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không	Was your job union? Công việc của quý vị có nghiệp đoàn không? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không
Location where work performed – Number and Street, City, County, Zip Code / Địa điểm nơi thực hiện công việc - Số nhà và Đường Phố, Thành Phố, Quận, Số Zip Code			

WAGES – CONDITIONS OF EMPLOYMENT / LƯƠNG BỔNG – CÁC ĐIỀU KIỆN VIỆC LÀM

Rate of pay – per hour, day , week or month or piece rate (specify) Mức lương – trả theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng hoặc mức lương trả theo sản phẩm (ghi rõ) $	Total hours worked /Tổng số giờ làm việc By day / Một ngày By week / Một tuần		Paid Overtime? Có Được Trả Lương Ngoài Giờ không? ☐ Yes/Có ☐ No/ Không
Are you still working for this employer Quý vị hiện có đang làm việc cho hãng sở này không? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không	☐ Discharged Đã bị sa thải	☐ Quit Tự nghỉ việc	On what date? / Vào ngày nào?	Were you paid at the time of discharge? Quý vị có được trả lương vào thời điểm thôi việc không? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không
If quit, did you give 72 hours notice? Nếu tự thôi việc, quý vị có thông báo trước 72 giờ không? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không	Have you asked for your wages? Quý vị có đề nghị về lương bổng không? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không	If yes, on what date? / Nếu có, vào ngày nào?		☐ In person / Đích thân tới ☐ By mail / Qua thư
How were you paid? Quý vị được trả lương như thế nào?	☐ By check / Bằng ngân phiếu ☐ In cash / Bằng tiền mặt	Given a deduction slip? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không Có nhận được tờ phiếu ghi các khoản khấu trừ không?	Did you keep a record of hours worked? ☐ Yes/ Có ☐ No/ Không Quý vị có ghi chép lại số giờ đã làm việc không?	

GROSS WAGES CLAIMED / TỔNG MỨC LƯƠNG ĐƯỢC XÁC NHẬN

From (date) / Từ (ngày) mo./date/yr. – tháng/ngày/năm	To (date) / Tới (ngày) mo./date/yr. – tháng/ngày/năm	Number of hours, days, weeks or months (Specify: vacations, commissions, expenses, overtime) Số giờ, ngày, tuần hoặc tháng (Ghi rõ: thời gian nghỉ phép, tiền hoa hồng, chi phí, tiền lương làm việc ngoài giờ)	
At the rate of – per hour, day, week or month (specify) Ở mức lương – theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng (ghi rõ) $		Gross amount claimed Tổng số tiền yêu cầu bồi thường	$
Brief explanation of issues (use additional sheet if necessary) Giải thích ngắn gọn về các vấn đề (sử dụng thêm các trang giấy khác nếu cần)		Less amount paid: Trừ đi số tiền đã trả	$
		Amount claimed: **Số tiền yêu cầu bồi thường**	**$**

I hereby certify that this is a true statement to the best of my knowledge.
Theo đây, tôi xin xác nhận rằng đây là bản khai đúng theo sự hiểu biết nhất của tôi.

Signed / Ký Tên: _____ Date / Ngày: _____